

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HS-PT

Ngày: 12-6-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Việt H do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 18-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số B, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 10/10 (tại phiên tòa bị cáo khai trình độ học vấn 12/12); dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M1 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Ngọc Đ; con: có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 13/8/2024 cho đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Số B, Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; vợ: Lê Thị Kim H2; con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 16/4/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

+ Bà Huỳnh Thị Cẩm H3, sinh năm 1964; nơi đăng ký thường trú: ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

+ Ông Phạm Công B, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre; có đơn xin xét xử vắng mặt (do vợ là bà Huỳnh Thị Cẩm H3 ký đơn và nộp đơn thay).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M - Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có nhiệm vụ, quyền hạn quản lý, chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự của cơ quan thi hành án dân sự; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Thi hành án dân sự. Nguyễn Việt H - Chấp hành viên, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có nhiệm vụ, quyền hạn kịp thời tổ chức thi hành vụ việc được phân công; ra các quyết định về thi hành án theo thẩm quyền; thi hành đúng nội dung bản án, quyết định; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; quyết định áp dụng các biện pháp đảm bảo thi hành án, các biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 20, khoản 2 Điều 23 Luật Thi hành án dân sự.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2023, Nguyễn Việt H được phân công tổ chức thi hành án 04 vụ việc mà bà Huỳnh Thị Cẩm H3 là đương sự được thi hành án, gồm:

- Vụ việc bà Trần Thị T1 và bà Dương Thị Đ1 phải trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 146.900.000 đồng và lãi phát sinh (Theo Quyết định Thi hành án số 23/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2014).

- Vụ việc bà Dương Thị Đ1 phải trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền 220.520.000 đồng và lãi phát sinh (Theo Quyết định thi hành án số 219/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2014).

Trong hai vụ việc nêu trên bà Huỳnh Thị V ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Cẩm H3 nhận tiền thi hành án.

- Vụ việc bà Đinh Thị H4 phải trả cho bà Huỳnh Thị Cẩm H3, ông Phạm Công B (chồng bà H3) 916,4m² đất và 01 căn nhà trên đất (Theo Quyết định thi hành án số 28/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2021).

- Vụ việc bà Huỳnh Thị Cẩm H3, ông Phạm Công B phải trả cho bà Đinh Thị H4 số tiền 414.391.080 đồng và tiền lãi phát sinh (Theo Quyết định thi hành án số 329/QĐ-CCTHADS ngày 18/01/2022).

Quá trình tổ chức thi hành án, bà Huỳnh Thị Cẩm H3 nhiều lần gặp gỡ, đặt vấn đề nhờ Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H tạo điều kiện giải quyết dứt điểm các việc thi hành án liên quan đến bà Huỳnh Thị V theo Quyết định thi hành án số 23/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2014 và Quyết định thi hành án số 219/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2014 nêu trên.

Ngày 14/7/2015, Nguyễn Việt H lập Biên bản giáo dục, thuyết phục, giải quyết thi hành án giữa bà Dương Thị Đ1, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị Cẩm H3 với nội dung: Bà Đ1 đề nghị giao thừa đất số 22, tờ bản đồ số 27 tại Khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre có diện tích 425,6m² của ông Dương Văn R (sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, ông R là em trai bà Đ1) cho bà V để thi hành án, bà V đồng ý nhận và giao cho bà H3 để trừ nợ, bà H3 phải trả cho bà Đ1 số tiền 60.000.000 đồng khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình. Ngày 29/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Cẩm H3 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2015 giữa ông Dương Văn R với vợ chồng bà Huỳnh Thị Cẩm H3, tuy nhiên sau đó bà H3 thay đổi quan điểm không đồng ý nhận đất mà yêu cầu bà Đ1 phải trả nợ.

Ngày 10/4/2018, Nguyễn Việt H lập Biên bản làm việc với bà Dương Thị Đ1, theo đó bà Đ1 cam kết trả tiền cho bà Huỳnh Thị Cẩm H3 theo 03 đợt bắt đầu từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/10/2018, nếu không thực hiện đúng cam kết thì đồng ý để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách kê biên tài sản đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, sau đó bà Đ1 không thực hiện đúng cam kết trả nợ nhưng Nguyễn Việt H cũng không áp dụng các biện pháp để tổ chức thi hành án theo quy định.

Ngày 13/9/2021, Nguyễn Việt H lập Biên bản ghi nhận ý kiến của bà Huỳnh Thị Cẩm H3, nội dung: Bà H3 không đồng ý theo thỏa thuận ngày 14/7/2015, bà H3 từ chối nhận tài sản để trừ vào việc thi hành án, đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách tiếp tục tổ chức thi hành án, nếu bà Đ1 không tự nguyện thì cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản thi hành án theo quy định.

Ngày 14/9/2021, Nguyễn Văn M tổ chức tiếp bà H3 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tham gia buổi tiếp dân còn có Nguyễn Việt H, kết quả làm việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách ghi nhận ý kiến của bà H3, sẽ xác minh tài sản của bà Đ1, nếu có tài sản thì sẽ kê biên tài sản để thi hành án, nhưng sau đó Nguyễn Văn M không chỉ đạo Nguyễn Việt H áp dụng biện pháp để tổ chức thi hành án theo quy định.

Ngày 18/01/2022, 17/02/2022 và ngày 08/3/2022, Nguyễn Văn M nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho bà Huỳnh Thị Cẩm H3 xin tiền, do mong muốn vụ việc thi hành án được sớm giải quyết nên bà H3 buộc phải chuyển tiền qua tài khoản cho Nguyễn Văn M với số tiền lần lượt là 05 triệu đồng, 03 triệu đồng và 02 triệu đồng, tổng cộng là 10 triệu đồng.

Ngày 14/4/2022, Nguyễn Việt H lập biên bản động viên, giáo dục, thuyết phục thi hành án giữa bà Huỳnh Thị Cẩm H3 với bà Dương Thị Đ1, hai bên thống

nhất thỏa thuận nếu bà Đ1 trả cho bà H3 300.000.000 đồng, số tiền còn lại và lãi chậm trả bà H3 không yêu cầu bà Đ1 trả.

Từ ngày 14/4/2022 đến ngày 27/7/2022, Nguyễn Văn M tiếp tục nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho bà Huỳnh Thị Cẩm H3 xin tiền, trong các ngày 25/4/2022, 19/5/2022 và 01/7/2022, bà H3 chuyển tiền qua tài khoản cho Nguyễn Văn M với số tiền lần lượt là 05 triệu đồng, 02 triệu đồng và 10 triệu đồng, như vậy tổng số tiền bà H3 đã chuyển cho Nguyễn Văn M là 27 triệu đồng.

Cũng trong thời gian này, Nguyễn Việt H lấy lý do vụ việc thi hành án phức tạp, khó khăn và nhắn tin cho bà H3 xin tiền. Ngày 07/6/2022, bà H3 đã chuyển khoản cho Nguyễn Việt H 10 triệu đồng. Đến ngày 24/11/2022, Nguyễn Việt H tiếp tục gửi tin nhắn xin tiền bà H3, đồng thời thông báo với bà H3 là đang đẩy nhanh giải quyết việc thi hành án, cùng ngày, bà H3 đã chuyển khoản cho Nguyễn Việt H 05 triệu đồng, tổng số tiền bà H3 đã chuyển cho Nguyễn Việt H là 15 triệu đồng để được nhanh chóng giải quyết việc thi hành án.

Ngày 25/02/2023, ông Dương Văn R, bà Huỳnh Thị Cẩm H3 và ông Phạm Công B có đơn xin hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/9/2015, sau đó Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Cẩm H3 với lý do người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ tài chính và tự nguyện hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 17/5/2023, việc thi hành án liên quan đến bà Huỳnh Thị Cẩm H3 mới được thi hành xong.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H đều thừa nhận đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại xin tiền bà H3, các bị cáo nhận thức được bà Huỳnh Thị Cẩm H3 cho tiền với mong muốn đẩy nhanh việc thi hành án; toàn bộ số tiền nhận hối lộ nêu trên Một và H đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Ngày 06/3/2024, Nguyễn Văn M tự nguyện nộp lại số tiền 27 triệu đồng, Nguyễn Việt H tự nguyện nộp lại số tiền 15 triệu đồng cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngoài ra; trong quá trình điều tra bà Huỳnh Thị Cẩm H3 còn tố cáo Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H nhiều lần nhận tiền mặt của bà H3, tuy nhiên hai bị cáo không thừa nhận, do chỉ có lời khai của bà H3 và không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu:

Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 42.000.000 đồng do Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H giao nộp; thu giữ 01 USB do bà Nguyễn Thị Như T2 (sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre) giao nộp, 01 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T2 với bà Nguyễn Thị Hồng H5 (sinh năm 1980, nơi cư trú: Số H ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre). Toàn bộ số tiền thu giữ đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H phạm tội “Nhận hối lộ”;

- Áp dụng điểm đ, g khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024.

- Áp dụng điểm đ, g khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 42.000.000 đồng do Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H giao nộp.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/3/2025, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/4/2025, bị cáo Nguyễn Việt H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/4/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Cẩm H3 và ông Phạm Công B kháng cáo yêu cầu trả lại cho ông, bà số tiền 42.000.000 đồng mà ông, bà đã dùng để đưa hối lộ cho Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Việt H đều khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Văn M bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Cẩm H3 trình bày lời khai phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Việt H phạm tội “Nhận hối lộ” theo điểm đ, g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt và kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 năm tù và bị cáo Nguyễn Việt H 03 năm tù là phù hợp; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo M là không có cơ sở chấp nhận; đối với kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm H3 yêu cầu trả lại cho

bà số tiền 42.000.000 đồng là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận; đối với kháng cáo của ông Phạm Công B yêu cầu trả lại cho ông và bà H3 số tiền 42.000.000 đồng, xét thấy ông B không có quyền kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Việt H; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Cẩm H3 và ông Phạm Công B; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 năm tù về tội “Nhận hối lộ”; thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024. Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 03 năm tù về tội “Nhận hối lộ”; thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2024. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47, khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 42.000.000 đồng. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.
- Bị cáo Nguyễn Văn M nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.
- Bị cáo Nguyễn Việt H nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Công B vắng mặt nhưng bà Huỳnh Thị Cẩm H3 (vợ ông B) có ký đơn và gửi đơn xin xét xử vắng mặt ông B, xét thấy việc vắng mặt ông B không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Từ năm 2014 đến năm 2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tổ chức thi hành án đối với một số việc thi hành án mà bà Huỳnh Thị Cẩm H3 là đương sự. Nguyễn Văn M -

Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách là người chỉ đạo hoạt động thi hành án; Nguyễn Việt H - Chấp hành viên là người trực tiếp tổ chức thi hành án. Đối với các vụ việc thi hành án theo Quyết định thi hành án số: 23/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2014 và Quyết định thi hành án số: 219/QĐ-CCTHADS ngày 03/12/2014, vì động cơ vụ lợi nên Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại cho bà Huỳnh Thị Cẩm H3 xin tiền, do các vụ việc thi hành án bị kéo dài trong nhiều năm nên bà Huỳnh Thị Cẩm H3 đã buộc phải chuyển khoản cho Nguyễn Văn M 06 lần với tổng số tiền 27.000.000 đồng, chuyển khoản cho Nguyễn Việt H 02 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng với mong muốn được giải quyết dứt điểm các việc thi hành án.

[3] Về tội danh: Các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi nhắn tin điện thoại, gọi điện thoại, gửi số tài khoản để xin tiền và nhiều lần nhận tiền của bà Huỳnh Thị Cẩm H3 để giải quyết các việc thi hành án, cụ thể bị cáo Nguyễn Văn M đã nhận nhiều lần của bà H3 với tổng số tiền 27.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Việt H đã nhận nhiều lần của bà H3 với tổng số tiền 15.000.000 đồng; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước, làm giảm uy tín của các cơ quan Nhà nước nói chung và Cơ quan Thi hành án dân sự hai cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre nói riêng. Với ý thức, hành vi, số lần và số tiền mà các bị cáo đã nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Việt H phạm tội “Nhận hối lộ” với tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Đòi hối lộ*” theo điểm đ, g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Việt H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo đã *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo *có thành tích xuất sắc trong công tác* được cấp có thẩm quyền ở Trung ương khen thưởng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn M có người thân có công với đất nước và anh trai là liệt sỹ, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện thì các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 năm tù và bị cáo Nguyễn Việt H 03 năm tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các bị cáo phạm tội có khung hình phạt

từ 07 năm đến 15 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Cơ quan Thi hành án dân sự hai cấp trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tại cấp phúc thẩm; các bị cáo trình bày bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình để yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, tuy nhiên xét thấy các bị cáo không phải là lao động chính duy nhất trong gia đình, ngoài các bị cáo ra thì còn vợ của các bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình, vẫn có điều kiện để chăm lo cho gia đình; đối với bị cáo M cho rằng đã nộp lại số tiền nhận hối lộ 27.000.000 đồng nên yêu cầu được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, tuy nhiên xét thấy số tiền 27.000.000 đồng này là tiền bị cáo thu lợi bất chính nên phải nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước, đây không phải là số tiền do bị cáo khắc phục hậu quả hay bồi thường thiệt hại nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự theo yêu cầu của bị cáo; ngoài ra bị cáo Một còn yêu cầu được hưởng án treo, xét thấy bị cáo là Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, xử phạt bị cáo M 04 năm tù và bị cáo H 03 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là đã có chiều cố giảm nhẹ cho các bị cáo, ngoài ra các bị cáo cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo cũng như yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Cẩm H3 yêu cầu trả lại cho bà số tiền 42.000.000 đồng, thấy rằng: mặc dù khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ. Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ”*. Tuy nhiên; tại “Đơn đề nghị xét xử vắng mặt” đề ngày 12/3/2025 của bà Huỳnh Thị Cẩm H3 (bút lục số 1089) và của ông Phạm Công B (bút lục số 1090) đã thể hiện rõ ý kiến của bà H3 và ông B: *“Đối với số tiền mà bà Huỳnh Thị Cẩm H3 đã chuyển cho ông Nguyễn Văn M là 27 triệu đồng và chuyển cho Nguyễn Việt H 15 triệu đồng, tôi không có nhu cầu nhận lại. Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật”*, xét thấy nội dung này là ý chí tự nguyện của bà H3 và ông B nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu

sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ. Vì vậy kháng cáo của bà H3 yêu cầu nhận lại số tiền 42.000.000 đồng như nêu trên là không phù hợp, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công B yêu cầu trả lại cho ông và bà Huỳnh Thị Cẩm H3 số tiền 42.000.000 đồng, thấy rằng: Số tiền 42.000.000 đồng này là do bà H3 đã trực tiếp đưa cho các bị cáo nhận hối lộ, không liên quan đến hành vi của ông B, vì vậy ông B không có quyền kháng cáo để yêu cầu nhận lại số tiền này, nên kháng cáo của ông Bằng K được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Việt H; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Cẩm H3 và ông Phạm Công B; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

1.1 Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 41; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 (bốn) năm tù về tội “Nhận hối lộ”;

Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2024.

1.2 Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 354; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 41; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”;

Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47, khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng do Nguyễn Văn M và Nguyễn Việt H giao nộp theo Biên lai thu tiền số 0000472 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng

Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.
- Bị cáo Nguyễn Việt H phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, xử lý vật chứng khác và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (06b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã Long Thới, huyện Chợ Lách (1b);
- UBND thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (2b);
- Trại tạm giam (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông